

Số: 72/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng**  
**Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học**  
**ngành Quan hệ công chúng của Trường Đại học Nam Cần Thơ**

**HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1257/QĐ-KĐCL ngày 05/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 467/QĐ-KĐCL ngày 03/6/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXVIII của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 469/QĐ-KĐCL ngày 03/6/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên XXVIII;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng của Trường Đại học Nam Cần Thơ, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp XXVIII ngày 22/6/2024 của Hội đồng.

**QUYẾT NGHỊ:**

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Nam Cần Thơ của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo và đã được Nhà trường đồng thuận.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 42 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm 84%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Nam Cần Thơ và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng của Trường Đại học Nam Cần Thơ.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**



**Đình Văn Toàn**

RI  
KII  
H/  
G

**Phụ lục I**  
**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH QUAN HỆ CÔNG CHỨNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ**  
*(Kèm theo Nghị quyết số: 72/NQ-HĐKĐCL ngày 24 tháng 6 năm 2024*  
*của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt	
<b>Tiêu chuẩn 1</b>		3.67	2	66.67%	<b>Tiêu chuẩn 7</b>		4.20	5	100%	
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4				
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4				
Tiêu chí 1.3	4	Tiêu chí 7.3	5							
<b>Tiêu chuẩn 2</b>		3.67	2	66.67%	Tiêu chí 7.4	4				
Tiêu chí 2.1	4				<b>Tiêu chuẩn 8</b>					
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chí 8.1	3				
Tiêu chí 2.3	4	3.67	2	66.67%	Tiêu chí 8.2	4	4.00	4	80%	
<b>Tiêu chuẩn 3</b>					Tiêu chí 3.1	4				
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	4				
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	4				
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	5				
<b>Tiêu chuẩn 4</b>		4.00	3	100%	<b>Tiêu chuẩn 9</b>		4.20	5	100%	
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4				
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4				
Tiêu chí 4.3	4	3.80	4	80%	Tiêu chí 9.3	4				
<b>Tiêu chuẩn 5</b>					Tiêu chí 9.4	4				
Tiêu chí 5.1	4				<b>Tiêu chuẩn 10</b>					
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chí 10.1	4				
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.2	4				
Tiêu chí 5.4	4	3.71	5	71.43%	Tiêu chí 10.3	3	3.83	5	83.33%	
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.4	4				
<b>Tiêu chuẩn 6</b>					Tiêu chí 10.5	4				
Tiêu chí 6.1	4				<b>Tiêu chuẩn 11</b>					
Tiêu chí 6.2	3				Tiêu chí 11.1	4				
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chí 11.2	4				
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.3	4				
Tiêu chí 6.5	4	4.00	5	100%	Tiêu chí 11.4	4				
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.5	4				
Tiêu chí 6.7	3									
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>					<b>Số tiêu chí đạt</b>		<b>Tỉ lệ số tiêu chí đạt</b>			
					42		84%			

*ph*

**Phụ lục II**  
**CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH QUAN HỆ CÔNG CHỨNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ**  
*(Kèm theo Nghị quyết số: 72/NQ-HĐKĐCL ngày 24 tháng 6 năm 2024*  
*của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng (CTĐT) của Trường Đại học Nam Cần Thơ đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2019-2023 cho thấy có những điểm mạnh sau đây:

Mục tiêu của CTĐT rõ ràng, được rà soát, cập nhật, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường và mục tiêu giáo dục đại học. Bản mô tả CTĐT có các nội dung chính cốt lõi, cập nhật. Chương trình dạy học được thiết kế theo các quy định, hướng dẫn của Nhà trường tiếp cận theo chuẩn đầu ra của CTĐT, được rà soát, điều chỉnh dựa trên đối sánh với CTĐT của cơ sở giáo dục khác và tham khảo ý kiến của một số bên liên quan. Cấu trúc của chương trình dạy học logic và thống nhất; triết lý giáo dục của Nhà trường được giải thích, hướng dẫn chuyển tải vào CTĐT; các hoạt động thực hành, thực tế nghề nghiệp được chú trọng. Quy trình, hướng dẫn đánh giá kết quả học tập rõ ràng, cụ thể. Đội ngũ giảng viên, nhân viên hỗ trợ được quy hoạch, bồi dưỡng; giảng viên có trình độ cao, năng lực giảng dạy đáp ứng yêu cầu của CTĐT; kết quả thực hiện nhiệm vụ của giảng viên, nhân viên được giám sát, đánh giá và ghi nhận; cán bộ hỗ trợ và nhân viên nhiệt huyết, có tinh thần cống hiến. Chính sách, quy định và tiêu chí tuyển chọn người học rõ ràng. Hoạt động tư vấn học tập và chất lượng các dịch vụ được chú trọng; môi trường tâm lý và cảnh quan sư phạm thuận lợi cho các bên. Cơ sở vật chất và thư viện đáp ứng tốt nhu cầu học tập, nghiên cứu. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập, thông tin phản hồi được sử dụng để cải tiến. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, tốt nghiệp sớm được giám sát. Hoạt động nghiên cứu khoa học của người học được quan tâm và tổ chức nền nếp.

Tuy nhiên, CTĐT còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Rà soát, điều chỉnh mục tiêu của CTĐT thể hiện đầy đủ hơn năng lực của sinh viên tốt nghiệp phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động và xu hướng phát triển của lĩnh vực quan hệ công chúng; bổ sung, cập nhật các năng lực thích ứng với Cách mạng công nghiệp 4.0 và phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường. Thu thập dữ liệu và phân tích, đánh giá một cách tổng thể khi rà soát chuẩn đầu ra của CTĐT để tránh hình thức, làm mất tính ổn định của CTĐT.

2. Tiếp tục cập nhật thông tin trong Bản mô tả CTĐT thể hiện tính logic trong CTĐT; ban hành chính thức và công khai Bản mô tả CTĐT bằng nhiều hình thức đến các bên liên quan. Bổ sung quy định/hướng dẫn kiểm tra/giám sát việc tự học của sinh viên trong đề cương học phần; xác định cụ thể học phần tiên quyết để đảm bảo tính logic của Chương trình dạy

*Phu*

học. Rà soát để tránh trùng lặp nội dung kiến thức, chuẩn đầu ra. Cập nhật tài liệu học tập đảm bảo theo quy định của Thông tư 35/2021/TT-BGDĐT.

3. Điều chỉnh các học phần tự chọn và bắt buộc trong Chương trình dạy học để đảm bảo mức độ tương thích với chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá. Nghiên cứu bổ sung học phần mới để đáp ứng các vấn đề thời sự của ngành Quan hệ công chúng trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0. Lấy ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp và các đơn vị sử dụng lao động một cách hiệu quả làm cơ sở điều chỉnh CTĐT đáp ứng nhu cầu thực tế về nguồn nhân lực và vị trí việc làm.

4. Quy định, hướng dẫn cụ thể về thiết kế CTĐT và tổ chức các hoạt động dạy-học phù hợp với triết lý giáo dục và hướng đến đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT. Tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học tích cực và sớm đầu tư đồng bộ hệ thống thiết kế bài giảng điện tử và học liệu để tổ chức đào tạo trực tuyến hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho người học tiếp cận học tập và nghiên cứu. Tăng cường chính sách thúc đẩy sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học; thiết kế và có hướng dẫn cụ thể nội dung tự học của sinh viên trong đề cương học phần. Tăng cường bồi dưỡng, tập huấn cho giảng viên về đổi mới phương pháp dạy học.

5. Hoàn thiện các rubrics đánh giá định kỳ và cuối kỳ đáp ứng các đặc thù của ngành đào tạo, tăng cường rà soát, đánh giá việc ra đề thi bám sát chuẩn đầu ra của học phần, phân tích kết quả thi; rà soát hệ thống văn bản để đảm bảo sự thống nhất trong qui chế và đào tạo, cải tiến hoạt động phản hồi kết quả đánh giá kết quả học tập đảm bảo kịp thời, chính xác đến sinh viên; nâng cao chất lượng phục vụ đào tạo. Cải tiến hoạt động phúc khảo bài thi, tạo điều kiện cho người học dễ tiếp cận qui trình khiếu nại về kết quả học tập.

6. Công tác quy hoạch cần tính đến các yêu cầu đặc thù của CTĐT; quy định cụ thể nhiệm vụ phục vụ cộng đồng của giảng viên, đồng thời có cơ chế ghi nhận, đánh giá kết quả phục vụ cộng đồng. Cập nhật Đề án vị trí việc làm, bồi dưỡng phát triển năng lực của giảng viên về giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, năng lực về khoa học giáo dục và năng lực đáp ứng các yêu cầu bối cảnh hội nhập và Cách mạng công nghiệp 4.0. Ban hành KPIs để đánh giá hiệu quả kết quả công việc của giảng viên. Có chính sách phù hợp nhằm gia tăng giảng viên có trình độ và học hàm cao.

7. Phân tích, dự báo nhu cầu đội ngũ nhân viên trên cơ sở quy mô đào tạo các ngành đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành Quan hệ công chúng, trên cơ sở đó có kế hoạch và chính sách hiệu quả thu hút, tuyển dụng cán bộ có trình độ, năng lực cao. Đánh giá hiệu quả các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng so chiếu với yêu cầu đặc thù của CTĐT và vị trí việc làm. Nghiên cứu xây dựng KPIs để đánh giá hiệu quả và kết quả công việc của đội ngũ nhân viên.

8. Khảo sát, phân tích và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực ngành Quan hệ công chúng để có phương thức và tiêu chí tuyển sinh phù hợp; đánh giá mức độ phù hợp, độ tin cậy của các phương thức tuyển sinh từ đó có biện pháp cải tiến, điều chỉnh cho phù hợp nhằm thu hút được học sinh giỏi vào học. Tăng cường giám sát sự tiến bộ của sinh viên, quan tâm tới thống kê, phân tích và xử lý dữ liệu, từ đó có giải pháp nâng cao hiệu quả tư vấn, hỗ trợ sinh viên để giảm tỷ lệ thôi học; nâng cấp phần mềm hỗ trợ trong công tác quản lý, giám sát quá trình học tập và quá trình rèn luyện của sinh viên; thành lập bộ phận chuyên trách về việc hỗ trợ, tư vấn tâm lý học đường; tăng cường đầu tư cho hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học, đặc biệt hoạt động sinh viên khởi nghiệp, sáng tạo.

9. Rà soát không gian làm việc cho giảng viên, đảm bảo điều kiện thực hành cho sinh viên người học; cập nhật sách và tài liệu tham khảo, tạp chí khoa học ngành liên quan. Phát triển phần mềm quản trị đại học tổng thể, đảm bảo tính liên thông trong vận hành Nhà trường; từng bước chuyển giao phần mềm cho đội ngũ nhân sự IT của Nhà trường; quan tâm nhiều hơn đến khả năng tiếp cận cho người khuyết tật đối với các dịch vụ của Nhà trường.

10. Bổ sung quy trình và hệ thống văn bản hướng dẫn đồng bộ để phục vụ thiết kế, rà soát và đánh giá CTĐT. Đầu tư tổng thể, khoa học hơn việc phân tích yêu cầu của thị trường lao động, tham khảo ý kiến của các bên liên quan cũng như đối sánh với CTĐT của các cơ sở giáo dục khác để có cơ sở cải tiến chất lượng CTĐT, tránh lãng phí nguồn lực và làm mất tính ổn định của CTĐT. Cải tiến hoạt động dạy-học và kiểm tra đánh giá để đảm bảo phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT.

11. Phân tích đầy đủ các nguyên nhân để có các giải pháp cụ thể giảm người học chậm tốt nghiệp; khuyến khích sinh viên học trước để tốt nghiệp sớm. Cần dựa vào uy tín và kinh nghiệm của nhà sử dụng lao động trong lĩnh vực hoạt động để lựa chọn tham khảo các ý kiến phục vụ cải tiến CTĐT; kết nối chặt chẽ với doanh nghiệp để tăng cường khả năng việc làm cho sinh viên tốt nghiệp. Nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo để hỗ trợ hiệu quả việc theo dõi, giám sát kết quả học tập của người học; có cơ chế, chính sách để khuyến khích và thúc đẩy sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, đảm bảo đủ nguồn kinh phí chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên theo quy định; tăng chất lượng và độ tin cậy của các khảo sát về mức độ hài lòng của các bên liên quan, đối sánh kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan với các CTĐT của các cơ sở giáo dục khác để thu thập được những thông tin hữu ích phục vụ cho hoạt động cải tiến chất lượng.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.

-----